



BẢNG GIÁ SẢN PHẨM DÂY & CÁP ĐIỆN TRẦN PHÚ

CÁP ĐIỆN HẠ THỂ

(Thời gian áp dụng: từ ngày 01/04/2021)

Tiêu chuẩn áp dụng: -TCVN 5935-1 (IEC 60502-1), TCVN 6612 (IEC 60228).

Điện áp sử dụng: 0,6/1kV

"Khách hàng có thể đặt hàng các chủng loại sản phẩm không có trong bảng giá"

TT	Tên sản phẩm	Kết cấu ruột dẫn				ĐVT	Đơn giá	
		Dây pha		Trung tính			Chưa bao gồm VAT (10%)	Bao gồm VAT (10%)
		Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn	Số sợi	ĐK/Kiểu ruột dẫn		VND	VND
I. CÁP ĐƠN - HẠ THỂ (Cu/PVC)								
1	Cáp CV-10	7	Compact			m	33,582	36,940
2	Cáp CV-16	7	Compact			m	54,000	59,400
3	Cáp CV-25	7	Compact			m	86,455	95,100
4	Cáp CV-35	7	Compact			m	117,636	129,400
5	Cáp CV-50	7	Compact			m	173,000	190,300
6	Cáp CV-70	19	Compact			m	233,682	257,050
7	Cáp CV-95	19	Compact			m	318,982	350,880
8	Cáp CV-120	19	Compact			m	394,727	434,200
9	Cáp CV-150	19	Compact			m	495,455	545,000
10	Cáp CV-185	37	Compact			m	621,218	683,340
11	Cáp CV-240	37	Compact			m	779,727	857,700
12	Cáp CV-300	61	Compact			m	954,545	1,050,000
13	Cáp CV-400	61	Compact			m	1,227,273	1,350,000
II. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
14	Cáp CVV-(1x2,5)	7	2,01			m	11,300	12,430
15	Cáp CVV-(1x4)	7	2,55			m	16,455	18,100
16	Cáp CVV-(1x6)	7	3,12			m	23,127	25,440
17	Cáp CVV-(1x10)	7	Compact			m	34,091	37,500
18	Cáp CVV-(1x16)	7	Compact			m	54,818	60,300
19	Cáp CVV-(1x25)	7	Compact			m	87,864	96,650
20	Cáp CVV-(1x35)	7	Compact			m	119,636	131,600
21	Cáp CVV-(1x50)	7	Compact			m	175,818	193,400
22	Cáp CVV-(1x70)	19	Compact			m	237,455	261,200
23	Cáp CVV-(1x95)	19	Compact			m	324,091	356,500
24	Cáp CVV-(1x120)	19	Compact			m	401,091	441,200
25	Cáp CVV-(1x150)	19	Compact			m	503,409	553,750
26	Cáp CVV-(1x185)	37	Compact			m	631,273	694,400
27	Cáp CVV-(1x240)	37	Compact			m	792,273	871,500
28	Cáp CVV-(1x300)	61	Compact			m	1,045,455	1,150,000
29	Cáp CVV-(1x400)	61	Compact			m	1,245,455	1,370,000
III. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
30	Cáp CVV-(2x4)	7	2,55			m	33,000	36,300
31	Cáp CVV-(2x6)	7	3,12			m	45,727	50,300

32	Cáp CVV-(2x10)	7	Compact			m	69,545	76,500
33	Cáp CVV-(2x16)	7	Compact			m	107,727	118,500
34	Cáp CVV-(2x25)	7	Compact			m	172,727	190,000
35	Cáp CVV-(2x35)	7	Compact			m	231,818	255,000
36	Cáp CVV-(2x50)	7	Compact			m	313,636	345,000
37	Cáp CVV-(2x70)	19	Compact			m	431,818	475,000
38	Cáp CVV-(2x95)	19	Compact			m	590,909	650,000
39	Cáp CVV-(2x120)	19	Compact			m	771,818	849,000
40	Cáp CVV-(2x150)	19	Compact			m	915,455	1,007,000
41	Cáp CVV-(2x185)	37	Compact			m	1,136,364	1,250,000
42	Cáp CVV-(2x240)	37	Compact			m	1,486,364	1,635,000
43	Cáp CVV-(2x300)	61	Compact			m	1,863,636	2,050,000
44	Cáp CVV-(2x400)	61	Compact			m	2,374,545	2,612,000
IV. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
45	Cáp CVV-(3x4)	7	2,55			m	49,091	54,000
46	Cáp CVV-(3x6)	7	3,12			m	68,182	75,000
47	Cáp CVV-(3x10)	7	Compact			m	101,818	112,000
48	Cáp CVV-(3x16)	7	Compact			m	160,000	176,000
49	Cáp CVV-(3x25)	7	Compact			m	249,091	274,000
50	Cáp CVV-(3x35)	7	Compact			m	336,364	370,000
51	Cáp CVV-(3x50)	7	Compact			m	490,909	540,000
52	Cáp CVV-(3x70)	19	Compact			m	645,455	710,000
53	Cáp CVV-(3x95)	19	Compact			m	872,727	960,000
54	Cáp CVV-(3x120)	19	Compact			m	1,090,909	1,200,000
V. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
55	Cáp CVV-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	39,091	43,000
56	Cáp CVV-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	57,273	63,000
57	Cáp CVV-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	80,000	88,000
58	Cáp CVV-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	122,727	135,000
59	Cáp CVV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	186,364	205,000
60	Cáp CVV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	283,182	311,500
61	Cáp CVV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	371,818	409,000
62	Cáp CVV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	401,818	442,000
63	Cáp CVV-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	519,091	571,000
64	Cáp CVV-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	550,000	605,000
65	Cáp CVV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	720,000	792,000
66	Cáp CVV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	763,636	840,000
67	Cáp CVV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	990,909	1,090,000
68	Cáp CVV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,050,000	1,155,000
69	Cáp CVV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,254,545	1,380,000
70	Cáp CVV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,336,364	1,470,000
71	Cáp CVV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,509,091	1,660,000
72	Cáp CVV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,593,000	1,752,300
73	Cáp CVV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	1,663,636	1,830,000
74	Cáp CVV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	1,909,091	2,100,000
75	Cáp CVV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	1,995,455	2,195,000
76	Cáp CVV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,076,364	2,284,000
77	Cáp CVV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,478,000	2,725,800
78	Cáp CVV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,572,400	2,829,640

79	Cáp CVV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	2,678,600	2,946,460
80	Cáp CVV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,103,400	3,413,740
81	Cáp CVV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	3,209,600	3,530,560
82	Cáp CVV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	3,374,800	3,712,280
VI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/PVC/PVC)								
83	Cáp CVV-(4x4)	7	2,55			m	63,636	70,000
84	Cáp CVV-(4x6)	7	3,12			m	88,182	97,000
85	Cáp CVV-(4x10)	7	Compact			m	134,545	148,000
86	Cáp CVV-(4x16)	7	Compact			m	209,091	230,000
87	Cáp CVV-(4x25)	7	Compact			m	329,091	362,000
88	Cáp CVV-(4x35)	7	Compact			m	436,364	480,000
89	Cáp CVV-(4x50)	7	Compact			m	622,727	685,000
90	Cáp CVV-(4x70)	19	Compact			m	854,545	940,000
91	Cáp CVV-(4x95)	19	Compact			m	1,157,273	1,273,000
92	Cáp CVV-(4x120)	19	Compact			m	1,429,091	1,572,000
93	Cáp CVV-(4x150)	19	Compact			m	1,781,818	1,960,000
94	Cáp CVV-(4x185)	37	Compact			m	2,228,182	2,451,000
95	Cáp CVV-(4x240)	37	Compact			m	2,790,908	3,069,999
96	Cáp CVV-(4x300)	61	Compact			m	3,647,273	4,012,000
VII. CÁP 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
97	Cáp CXV-(1x1,5)	7	1,56			m	6,655	7,320
98	Cáp CXV-(1x2,5)	7	2,01			m	10,000	11,000
99	Cáp CXV-(1x4)	7	2,55			m	15,727	17,300
100	Cáp CXV-(1x6)	7	3,12			m	22,727	25,000
101	Cáp CXV-(1x10)	7	Compact			m	33,636	37,000
102	Cáp CXV-(1x16)	7	Compact			m	54,000	59,400
103	Cáp CXV-(1x25)	7	Compact			m	86,545	95,200
104	Cáp CXV-(1x35)	7	Compact			m	117,636	129,400
105	Cáp CXV-(1x50)	7	Compact			m	173,000	190,300
106	Cáp CXV-(1x70)	19	Compact			m	233,727	257,100
107	Cáp CXV-(1x95)	19	Compact			m	318,982	350,880
108	Cáp CXV-(1x120)	19	Compact			m	394,664	434,130
109	Cáp CXV-(1x150)	19	Compact			m	495,455	545,000
110	Cáp CXV-(1x185)	37	Compact			m	621,273	683,400
111	Cáp CXV-(1x240)	37	Compact			m	779,727	857,700
112	Cáp CXV-(1x300)	61	Compact			m	1,022,727	1,125,000
113	Cáp CXV-(1x400)	61	Compact			m	1,327,182	1,459,900
VIII. CÁP 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
114	Cáp CXV-(2x1,5)	7	1,56			m	14,818	16,300
115	Cáp CXV-(2x2,5)	7	2,01			m	21,364	23,500
116	Cáp CXV-(2x4)	7	2,55			m	32,273	35,500
117	Cáp CXV-(2x6)	7	3,12			m	48,182	53,000
118	Cáp CXV-(2x10)	7	Compact			m	73,636	81,000
119	Cáp CXV-(2x16)	7	Compact			m	113,636	125,000
120	Cáp CXV-(2x25)	7	Compact			m	173,455	190,800
121	Cáp CXV-(2x35)	7	Compact			m	236,000	259,600
122	Cáp CXV-(2x50)	7	Compact			m	318,182	350,000
123	Cáp CXV-(2x70)	19	Compact			m	468,727	515,600
124	Cáp CXV-(2x95)	19	Compact			m	639,909	703,900

125	Cáp CXV-(2x120)	19	Compact			m	772,727	850,000
126	Cáp CXV-(2x150)	19	Compact			m	972,727	1,070,000
IX. CÁP 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
127	Cáp CXV-(3x1,5)	7	1,56			m	23,182	25,500
128	Cáp CXV-(3x2,5)	7	2,01			m	33,636	37,000
129	Cáp CXV-(3x4)	7	2,55			m	49,091	54,000
130	Cáp CXV-(3x6)	7	3,12			m	70,000	77,000
131	Cáp CXV-(3x10)	7	Compact			m	109,091	120,000
132	Cáp CXV-(3x16)	7	Compact			m	163,636	180,000
133	Cáp CXV-(3x25)	7	Compact			m	260,182	286,200
134	Cáp CXV-(3x35)	7	Compact			m	353,909	389,300
135	Cáp CXV-(3x50)	7	Compact			m	520,545	572,600
136	Cáp CXV-(3x70)	19	Compact			m	703,182	773,500
137	Cáp CXV-(3x95)	19	Compact			m	929,200	1,022,120
138	Cáp CXV-(3x120)	19	Compact			m	1,149,800	1,264,780
139	Cáp CXV-(3x150)	19	Compact			m	1,443,300	1,587,630
140	Cáp CXV-(3x185)	37	Compact			m	1,809,600	1,990,560
141	Cáp CXV-(3x240)	37	Compact			m	2,309,091	2,540,000
142	Cáp CXV-(3x300)	61	Compact			m	2,981,700	3,279,870
143	Cáp CXV-(3x400)	61	Compact			m	3,854,545	4,240,000
X. CÁP (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
144	Cáp CXV-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	39,091	43,000
145	Cáp CXV-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	57,273	63,000
146	Cáp CXV-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	81,818	90,000
147	Cáp CXV-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	127,273	140,000
148	Cáp CXV-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	196,364	216,000
149	Cáp CXV-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	281,636	309,800
150	Cáp CXV-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	314,336	345,770
151	Cáp CXV-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	408,073	448,880
152	Cáp CXV-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	440,636	484,700
153	Cáp CXV-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	607,273	668,000
154	Cáp CXV-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	638,545	702,400
155	Cáp CXV-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	821,182	903,300
156	Cáp CXV-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	876,727	964,400
157	Cáp CXV-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,133,364	1,246,700
158	Cáp CXV-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,194,273	1,313,700
159	Cáp CXV-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,421,909	1,564,100
160	Cáp CXV-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,507,545	1,658,300
161	Cáp CXV-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,725,091	1,897,600
162	Cáp CXV-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,810,909	1,992,000
163	Cáp CXV-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	1,886,364	2,075,000
164	Cáp CXV-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,189,091	2,408,000
165	Cáp CXV-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,265,455	2,492,000
166	Cáp CXV-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,366,364	2,603,000
167	Cáp CXV-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,710,000	2,981,000
168	Cáp CXV-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,843,636	3,128,000
169	Cáp CXV-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	2,970,000	3,267,000
170	Cáp CXV-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,354,545	3,690,000
171	Cáp CXV-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	3,703,636	4,074,000

172	Cáp CXV-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	3,750,000	4,125,000
XI. CÁP 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
173	Cáp CXV-(4x1,5)	7	1,56			m	29,091	32,000
174	Cáp CXV-(4x2,5)	7	2,01			m	42,727	47,000
175	Cáp CXV-(4x4)	7	2,55			m	60,909	67,000
176	Cáp CXV-(4x6)	7	3,12			m	86,364	95,000
177	Cáp CXV-(4x10)	7	Compact			m	136,364	150,000
178	Cáp CXV-(4x16)	7	Compact			m	216,364	238,000
179	Cáp CXV-(4x25)	7	Compact			m	346,909	381,600
180	Cáp CXV-(4x35)	7	Compact			m	472,727	520,000
181	Cáp CXV-(4x50)	7	Compact			m	694,091	763,500
182	Cáp CXV-(4x70)	19	Compact			m	938,182	1,032,000
183	Cáp CXV-(4x95)	19	Compact			m	1,280,000	1,408,000
184	Cáp CXV-(4x120)	19	Compact			m	1,583,636	1,742,000
185	Cáp CXV-(4x150)	19	Compact			m	1,988,182	2,187,000
186	Cáp CXV-(4x185)	37	Compact			m	2,491,818	2,741,000
187	Cáp CXV-(4x240)	37	Compact			m	3,129,091	3,442,000
188	Cáp CXV-(4x300)	61	Compact			m	3,974,000	4,371,400
189	Cáp CXV-(4x400)	61	Compact			m	5,151,236	5,666,360
XII. CÁP (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC)								
190	Cáp CXV-(3x2,5+2x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	46,273	50,900
191	Cáp CXV-(3x4+2x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	68,182	75,000
192	Cáp CXV-(3x6+2x4)	7	3,12	7	2,55	m	97,545	107,300
193	Cáp CXV-(3x10+2x6)	7	Compact	7	3,12	m	148,818	163,700
194	Cáp CXV-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	231,364	254,500
195	Cáp CXV-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	348,818	383,700
196	Cáp CXV-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	444,091	488,500
197	Cáp CXV-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	500,000	550,000
198	Cáp CXV-(3x50+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	625,000	687,500
199	Cáp CXV-(3x50+2x35)	7	Compact	7	Compact	m	687,500	756,250
200	Cáp CXV-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	875,000	962,500
201	Cáp CXV-(3x70+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	938,182	1,032,000
202	Cáp CXV-(3x95+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,175,000	1,292,500
203	Cáp CXV-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,294,545	1,424,000
204	Cáp CXV-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,509,091	1,660,000
205	Cáp CXV-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,690,909	1,860,000
206	Cáp CXV-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,790,909	1,970,000
207	Cáp CXV-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,962,727	2,159,000
208	Cáp CXV-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,100,000	2,310,000
209	Cáp CXV-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,287,273	2,516,000
210	Cáp CXV-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,437,273	2,681,000
211	Cáp CXV-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,624,545	2,887,000
212	Cáp CXV-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,937,273	3,231,000
213	Cáp CXV-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,124,545	3,437,000
214	Cáp CXV-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,350,000	3,685,000
215	Cáp CXV-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,687,273	4,056,000
216	Cáp CXV-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	3,874,545	4,262,000
217	Cáp CXV-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,224,545	4,647,000
XIII. CÁP NGẪM 1 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DATA/PVC)								

218	Cáp CXV/DATA-(1x10)	7	Compact			m	46,000	50,600
219	Cáp CXV/DATA-(1x16)	7	Compact			m	66,091	72,700
220	Cáp CXV/DATA-(1x25)	7	Compact			m	94,364	103,800
221	Cáp CXV/DATA-(1x35)	7	Compact			m	122,727	135,000
222	Cáp CXV/DATA-(1x50)	7	Compact			m	173,000	190,300
223	Cáp CXV/DATA-(1x70)	19	Compact			m	236,364	260,000
224	Cáp CXV/DATA-(1x95)	19	Compact			m	327,273	360,000
225	Cáp CXV/DATA-(1x120)	19	Compact			m	396,364	436,000
226	Cáp CXV/DATA-(1x150)	19	Compact			m	495,455	545,000
227	Cáp CXV/DATA-(1x185)	37	Compact			m	621,818	684,000
228	Cáp CXV/DATA-(1x240)	37	Compact			m	780,000	858,000
229	Cáp CXV/DATA-(1x300)	61	Compact			m	1,023,636	1,126,000
230	Cáp CXV/DATA-(1x400)	61	Compact			m	1,327,273	1,460,000

XIV. CÁP NGẦM 2 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

231	Cáp CXV/DSTA-(2x1,5)	7	1,56			m	25,455	28,000
232	Cáp CXV/DSTA-(2x2,5)	7	2,01			m	33,636	37,000
233	Cáp CXV/DSTA-(2x4)	7	2,55			m	42,727	47,000
234	Cáp CXV/DSTA-(2x6)	7	3,12			m	56,364	62,000
235	Cáp CXV/DSTA-(2x10)	7	Compact			m	81,818	90,000
236	Cáp CXV/DSTA-(2x16)	7	Compact			m	127,273	140,000
237	Cáp CXV/DSTA-(2x25)	7	Compact			m	173,636	191,000
238	Cáp CXV/DSTA-(2x35)	7	Compact			m	236,364	260,000
239	Cáp CXV/DSTA-(2x50)	7	Compact			m	327,273	360,000
240	Cáp CXV/DSTA-(2x70)	19	Compact			m	463,636	510,000
241	Cáp CXV/DSTA-(2x95)	19	Compact			m	654,545	720,000
242	Cáp CXV/DSTA-(2x120)	19	Compact			m	800,000	880,000
243	Cáp CXV/DSTA-(2x150)	19	Compact			m	1,018,182	1,120,000

XV. CÁP NGẦM 3 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

244	Cáp CXV/DSTA-(3x1,5)	7	1,56			m	33,636	37,000
245	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5)	7	2,01			m	43,636	48,000
246	Cáp CXV/DSTA-(3x4)	7	2,55			m	57,273	63,000
247	Cáp CXV/DSTA-(3x6)	7	3,12			m	77,273	85,000
248	Cáp CXV/DSTA-(3x10)	7	Compact			m	118,182	130,000
249	Cáp CXV/DSTA-(3x16)	7	Compact			m	172,727	190,000
250	Cáp CXV/DSTA-(3x25)	7	Compact			m	254,545	280,000
251	Cáp CXV/DSTA-(3x35)	7	Compact			m	354,545	390,000
252	Cáp CXV/DSTA-(3x50)	7	Compact			m	500,000	550,000
253	Cáp CXV/DSTA-(3x70)	19	Compact			m	681,818	750,000
254	Cáp CXV/DSTA-(3x95)	19	Compact			m	954,545	1,050,000
255	Cáp CXV/DSTA-(3x120)	19	Compact			m	1,200,000	1,320,000
256	Cáp CXV/DSTA-(3x150)	19	Compact			m	1,427,273	1,570,000
257	Cáp CXV/DSTA-(3x185)	37	Compact			m	1,869,091	2,056,000
258	Cáp CXV/DSTA-(3x240)	37	Compact			m	2,390,909	2,630,000
259	Cáp CXV/DSTA-(3x300)	61	Compact			m	2,954,545	3,250,000
260	Cáp CXV/DSTA-(3x400)	61	Compact			m	3,809,091	4,190,000

XVI. CÁP NGẦM (3+1) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)

261	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5+1x1,5)	7	2,01	7	1,56	m	50,000	55,000
262	Cáp CXV/DSTA-(3x4+1x2,5)	7	2,55	7	2,01	m	70,000	77,000
263	Cáp CXV/DSTA-(3x6+1x4)	7	3,12	7	2,55	m	98,182	108,000

264	Cáp CXV/DSTA-(3x10+1x6)	7	Compact	7	3,12	m	141,818	156,000
265	Cáp CXV/DSTA-(3x16+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	204,545	225,000
266	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x10)	7	Compact	7	Compact	m	305,455	336,000
267	Cáp CXV/DSTA-(3x25+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	314,545	346,000
268	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x16)	7	Compact	7	Compact	m	416,364	458,000
269	Cáp CXV/DSTA-(3x35+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	440,909	485,000
270	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x25)	7	Compact	7	Compact	m	607,273	668,000
271	Cáp CXV/DSTA-(3x50+1x35)	7	Compact	7	Compact	m	639,091	703,000
272	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x35)	19	Compact	7	Compact	m	821,818	904,000
273	Cáp CXV/DSTA-(3x70+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	877,273	965,000
274	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,133,636	1,247,000
275	Cáp CXV/DSTA-(3x95+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,194,545	1,314,000
276	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,422,727	1,565,000
277	Cáp CXV/DSTA-(3x120+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,508,182	1,659,000
278	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,709,091	1,880,000
279	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,810,909	1,992,000
280	Cáp CXV/DSTA-(3x150+1x120)	19	Compact	19	Compact	m	1,831,818	2,015,000
281	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,190,000	2,409,000
282	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,265,455	2,492,000
283	Cáp CXV/DSTA-(3x185+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,366,364	2,603,000
284	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,681,818	2,950,000
285	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,718,182	2,990,000
286	Cáp CXV/DSTA-(3x240+1x185)	37	Compact	37	Compact	m	2,972,727	3,270,000
287	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,354,545	3,690,000
288	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x185)	61	Compact	37	Compact	m	3,703,636	4,074,000
289	Cáp CXV/DSTA-(3x300+1x240)	61	Compact	37	Compact	m	3,954,545	4,350,000
XVII. CÁP NGẪM 4 LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
290	Cáp CXV/DSTA-(4x1,5)	7	1,56			m	39,091	43,000
291	Cáp CXV/DSTA-(4x2,5)	7	2,01			m	53,636	59,000
292	Cáp CXV/DSTA-(4x4)	7	2,55			m	71,818	79,000
293	Cáp CXV/DSTA-(4x6)	7	3,12			m	100,000	110,000
294	Cáp CXV/DSTA-(4x10)	7	Compact			m	149,091	164,000
295	Cáp CXV/DSTA-(4x16)	7	Compact			m	217,273	239,000
296	Cáp CXV/DSTA-(4x25)	7	Compact			m	347,273	382,000
297	Cáp CXV/DSTA-(4x35)	7	Compact			m	472,727	520,000
298	Cáp CXV/DSTA-(4x50)	7	Compact			m	694,545	764,000
299	Cáp CXV/DSTA-(4x70)	19	Compact			m	938,182	1,032,000
300	Cáp CXV/DSTA-(4x95)	19	Compact			m	1,280,000	1,408,000
301	Cáp CXV/DSTA-(4x120)	19	Compact			m	1,583,636	1,742,000
302	Cáp CXV/DSTA-(4x150)	19	Compact			m	1,990,909	2,190,000
303	Cáp CXV/DSTA-(4x185)	37	Compact			m	2,492,727	2,742,000
304	Cáp CXV/DSTA-(4x240)	37	Compact			m	3,129,091	3,442,000
305	Cáp CXV/DSTA-(4x300)	61	Compact			m	4,109,091	4,520,000
306	Cáp CXV/DSTA-(4x400)	61	Compact			m	5,027,273	5,530,000
XVIII. CÁP NGẪM (3+2) LỖI - HẠ THỂ (Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC)								
307	Cáp CXV/DSTA-(3x2,5+2x1.5)	7	2,01	7	1,56	m	57,273	63,000
308	Cáp CXV/DSTA-(3x4+2x2.5)	7	2,55	7	2,01	m	80,000	88,000
309	Cáp CXV/DSTA-(3x6+2x4)	7	3,12	7	2,55	m	113,636	125,000
310	Cáp CXV/DSTA-(3x10+2x6)	7	Compact	7	3,12	m	163,636	180,000

311	Cáp CXV/DSTA-(3x16+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	242,727	267,000
312	Cáp CXV/DSTA-(3x25+2x10)	7	Compact	7	Compact	m	348,182	383,000
313	Cáp CXV/DSTA-(3x25+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	372,727	410,000
314	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x16)	7	Compact	7	Compact	m	465,455	512,000
315	Cáp CXV/DSTA-(3x35+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	550,000	605,000
316	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x25)	7	Compact	7	Compact	m	672,727	740,000
317	Cáp CXV/DSTA-(3x50+2x35)	7	Compact	7	Compact	m	722,727	795,000
318	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x35)	19	Compact	7	Compact	m	895,455	985,000
319	Cáp CXV/DSTA-(3x70+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,018,182	1,120,000
320	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x50)	19	Compact	7	Compact	m	1,245,455	1,370,000
321	Cáp CXV/DSTA-(3x95+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,354,545	1,490,000
322	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,590,909	1,750,000
323	Cáp CXV/DSTA-(3x120+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	1,754,545	1,930,000
324	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x70)	19	Compact	19	Compact	m	1,954,545	2,150,000
325	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x95)	19	Compact	19	Compact	m	2,027,273	2,230,000
326	Cáp CXV/DSTA-(3x150+2x120)	19	Compact	19	Compact	m	2,227,273	2,450,000
327	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x95)	37	Compact	19	Compact	m	2,372,727	2,610,000
328	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	2,572,727	2,830,000
329	Cáp CXV/DSTA-(3x185+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	2,863,636	3,150,000
330	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x120)	37	Compact	19	Compact	m	3,054,545	3,360,000
331	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x150)	37	Compact	19	Compact	m	3,318,182	3,650,000
332	Cáp CXV/DSTA-(3x240+2x185)	37	Compact	37	Compact	m	3,490,909	3,840,000
333	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x150)	61	Compact	19	Compact	m	3,745,455	4,120,000
334	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x185)	61	Compact	37	Compact	m	4,018,182	4,420,000
335	Cáp CXV/DSTA-(3x300+2x240)	61	Compact	37	Compact	m	4,345,455	4,780,000

Thông tin : TRẦN PHÚ - TRAFUCO

ĐC: Số 41 Phương Liệt, P. Phương liệt, Q.Thanh Xuân, HN

Website: tranphu.com.vn (http://tranphucable.com.vn/)

Email: Contact@tranphu.vn

Tel: 0243.869.1172 **Hotline:** 0898 414141

